TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:81/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Kim Sơn

Bà: Lê Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H - Sinh năm 1984

Số căn cước công dân: 038184001131

Địa chỉ: Số nhà 02, thôn LV, xã ĐT, tỉnh TH.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy H - Sinh năm 1993

Số căn cước công dân: 038093010080

Địa chỉ: Thôn VH, xã TN, tỉnh TH.

Tại phiên toà vắng mặt chị H vắng mặt anh H, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2022 tại UBND xã TN, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vì lý do công việc nên chị phải đi làm xa, do anh H không muốn chị đi làm xa nên có đe

dọa chị nhưng chị vẫn quyết định đi và từ đó chị và anh H không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai gửi cho Tòa án bị đơn anh Nguyễn Duy H trình bày; Anh và chị Trần Thị H tự do tìm hiểu, yêu đương trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2022 tại UBND xã TN, tỉnh TH. Sau khi về chung sống được khoảng thời gian ngắn chị H bỏ nhà đi và không còn liên lạc với anh nữa. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Duy H thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35 khoản 4 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy H. Vợ chồng không có con chung nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Duy H. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Duy H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh Nguyễn Duy H đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng anh H không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2022 tại UBND xã TN, tỉnh TH nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả chị H và anh H đều thừa nhận không sống chung với nhau như vợ chồng ngày nào nên không làm phát sinh tình cảm và nghĩa vụ vợ chồng trên thực tế, việc này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Đến thời điểm hiện tại chị H và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh H được ly hôn, xét yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại.

Căn cứ: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ: Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001762 ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo. Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H và anh H, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Duy H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã TN, tỉnh TH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảy **Nguyễn Kim Sơn** **Phạm Xuân Thành**